TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày 13-5-2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hải Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn Q, sinh ngày 16/3/2002 tại thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nơi cư trú: Tổ dân phố P, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị H; vợ, con chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tốt. Bị cáo hiện đang tại ngoại, "có mặt".

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Kim Hồng T, Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1999; nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

2. Hoàng Quốc H, sinh năm 2002; nơi cư trú: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn Q, là đối tượng không có công việc ổn định, vì ham lợi nhuận nên từ ngày 16/10/2022 đến ngày 29/12/2023, Q đã có hành vi cho chị Nguyễn Thị Thùy và anh Hoàng Quốc H vay tiền với cùng mức lãi suất là 4.000 đồng/1.000.000đồng/01 ngày, tương ứng 146%/01 năm, vượt mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (20%) là 7,3 lần. Khi cho vay, Q yêu cầu chị T, anh H phải viết giấy vay nhận nợ, đồng thời phải để lại Căn cước công dân để đảm bảo cho khoản vay. Nguyễn Văn Q và chị T, anh H giao dịch bằng hình thức chuyển khoản hoặc đưa tiền mặt trực tiếp, cụ thể:

1. Đối với chị Nguyễn Thị Thùy: Từ ngày 16/10/2022 đến ngày 25/9/2023, Nguyễn Văn Q đã cho chị T vay tiền 07 lần, cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất: Ngày 16/10/2022, Q cho chị T vay số tiền 5.000.000đồng. Khi cho chị T vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi 01 tháng (30 ngày) là 600.000đồng, chị T chỉ nhận được số tiền 4.400.000đồng. Q sử dụng số tài khoản 8686567892002 tại Ngân hàng MB Bank, của Q chuyển khoản số tiền 4.400.000đồng đến số tài khoản 668819982001 tại Ngân hàng MB Bank của chị T. Hàng tháng chị T đóng tiền lãi vào ngày 16, chị T sử dụng số tài khoản 1032068492 tại Ngân hàng Vietcombank chuyển khoản cho Q để đóng lãi 10 tháng (từ ngày 16/10/2022 đến ngày 15/8/2023), Q thu được tổng số tiền lãi là 6.000.000 đồng. Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 5.000.000đồng x 20% x 10/12 = 833.333 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 6.000.000 đồng - 833.333 đồng = 5.166.667 đồng.

Ngày 29/7/2023, chị T đã thanh toán cho Q số tiền gốc 5.000.000đồng bằng hình thức đưa tiền mặt.

- Khoản vay thứ hai: Ngày 17/11/2022, Q cho chị T vay số tiền 5.000.000 đồng. Khi cho chị T vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng là 600.000 đồng. Sau đó, Q sử dụng số tài khoản 8686567892002 tại Ngân hàng MB Bank của Q chuyển khoản số tiền 5.400.000đồng đến số tài khoản 668819982001 tại Ngân hàng MB Bank của chị T. Do biết Q chuyển khoản nhầm cho mình nên chị T đã sử dụng tài khoản Ngân hàng nêu trên của chị T chuyển khoản lại cho Q số tiền 800.000đồng đến tài khoản Ngân hàng nêu trên của Q và đưa số tiền mặt 200.000đồng cho Q. Thực tế chị T chỉ nhận được số tiền 4.400.000 đồng, hàng tháng chị T đóng tiền lãi vào ngày 17. Khoản vay này, chị T sử dụng số tài 1032068492 tại Ngân hàng Vietcombank của chị T chuyển khoản cho Q qua số tài khoản 8686567892002 tại Ngân hàng MB Bank của Q để đóng lãi cho Q 09 tháng (từ ngày 17/11/2022 đến ngày 16/8/2023), Q thu được tổng số tiền lãi là 5.400.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 5.000.000 đồng x 20% x 9/12 = 750.000 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 5.400.000 đồng - 750.000 đồng = 4.650.000 đồng.

Ngày 29/7/2023, chị T đã thanh toán cho Q số tiền gốc 5.000.000 đồng bằng hình thức đưa tiền mặt.

- Khoản vay thứ ba: Ngày 29/12/2022, Q cho chị T vay số tiền là 10.000.000đồng. Khi cho chị T vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng là 1.200.000đồng. Khoản vay này Q đưa cho chị T số tiền 8.800.000đồng (trong đó Q chuyển khoản số tiền 3.800.000 đồng từ số tài khoản 8686567892002 tại Ngân hàng MB Bank của Q đến sô tài khoản 1032068492 tại Ngân hàng Vietcombank của chị T và đưa cho chị T tiền mặt với số tiền 5.000.000 đồng). Hàng tháng chị T đống tiền lãi vào ngày 29. Khoản vay này, chị T sử dụng số tài khoản 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T chuyển khoản cho Q qua số tài 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q để đóng lãi cho Q 08 tháng (từ ngày 29/12/2022 đến ngày 28/8/2023), Q thu được tổng số tiền lãi là 9.600.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 10.000.000 đồng x 20% x 8/12 = 1.333.333 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 9.600.000 đồng - 1.333.333 đồng = 8.266.667 đồng.

Ngày 28/8/2023, chị T sử dụng tài khoản ngân hàng số 668819982001, Ngân hàng MB Bank của chị T chuyển khoản cho Q qua tài khoản ngân hàng số 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q số tiền gốc 10.000.000 đồng.

- Khoản vay thứ tư: Ngày 19/01/2023, Q cho chị T vay số tiền là 5.000.000 đồng. Khi cho chị T vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng là 600.000 đồng. Q sử dụng số tài khoản 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q chuyển khoản số tiền 4.400.000đồng đến số tài khoản 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T. Hàng tháng chị T phải thanh toán tiền lãi vào ngày 19. Khoản vay này, chị T sử dụng số tài khoản 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T chuyển khoản cho Q qua số tài khoản 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q để đóng lãi cho Q 12 tháng (từ ngày 19/01/2023 đến ngày 18/01/2024), Q thu được tổng số tiền lãi là 7.200.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 5.000.000 đồng x 20% x 12/12 = 1.000.000 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 7.200.000 đồng - 1.000.000 đồng = 6.200.000 đồng.

Số tiền gốc 5.000.000 đồng chị T vẫn chưa trả cho Q.

- Khoản vay thứ năm: Ngày 31/7/2023, Q cho chị T vay số tiền 10.000.000 đồng. Khi cho chị T vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng với số tiền là 1.200.000đồng. Q sử dụng số tài khoản 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q chuyển khoản số tiền 8.800.000đồng đến số tài khoản 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T. Hàng tháng chị T phải thanh toán tiền lãi vào ngày 30 hoặc ngày 31. Khoản vay này, chị T sử dụng số tài khoản 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T chuyển khoản cho Q qua số tài khoản 8686567892002, Ngân

hàng MB Bank của Q để đóng lãi cho Q 05 tháng (từ ngày 31/7/2023 đến ngày 30/12/2023), Q thu được tổng số tiền lãi là 6.000.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 10.000.000 đồng x 20% x 5/12 = 833.333 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 6.000.000 đồng - 833.333 đồng = 5.166.667 đồng.

Số tiền gốc 10.000.000 đồng chị T vẫn chưa trả cho Q.

- Khoản vay thứ sáu: Ngày 23/9/2023, Q cho chị T vay số tiền gốc là 5.000.000 đồng. Khi cho chị T vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng với số tiền là 600.000đồng. Q sử dụng số tài khoản 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q chuyển khoản số tiền 4.400.000đồng đến số tài khoản 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T. Hàng tháng chị T phải thanh toán tiền lãi vào ngày 23. Khoản vay này, chị T sử dụng tài khoản số 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T chuyển khoản cho Q qua tài khoản số 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q để đóng lãi 04 tháng (từ ngày 23/9/2023 đến ngày 22/01/2024), Q thu được tổng số tiền lãi là 2.400.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 5.000.000 đồng x 20% x 4/12 = 333.333 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 2.400.000 đồng - 333.333 đồng = 2.066.667 đồng.

Số tiền gốc 5.000.000 đồng chị T vẫn chưa trả cho Q.

- Khoản vay thứ bảy: Ngày 25/9/2023, Q cho chị T vay số tiền 5.000.000 đồng. Khi cho chị T vay tiền,Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng là 600.000 đồng. Q sử dụng tài khoản số 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q chuyển khoản số tiền 4.400.000 đồng đến tài khoản số 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T. Hàng tháng chị T phải thanh toán tiền lãi cho Q vào ngày 25. Khoản vay này, chị T sử dụng tài khoản số 1032068492, Ngân hàng Vietcombank của chị T chuyển khoản cho Q qua tài khoản số 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q và sử dụng tiền mặt để đóng lãi cho Q 04 tháng (từ ngày 25/9/2023 đến ngày 24/01/2024), Q thu được tổng số tiền lãi là 2.400.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 5.000.000 đồng x 20% x 4/12 = 333.333 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 2.400.000 đồng - 333.333 đồng = 2.066.667 đồng.

Số tiền gốc 5.000.000 đồng chị T vẫn chưa trả cho Q.

Như vậy, tổng số tiền Q thu lời bất chính từ 07 khoản vay trên là: 5.166.667 đồng + 4.650.000 đồng + 8.266.667đồng + 6.200.000đồng + 5.166.667đồng + 2.066.667đồng + 2.066.667đồng = 33.583.333đồng (Ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng).

Tháng 9/2023, Q đã trả lại Căn cước công dân của chị T cho chị T để chị T đi xin việc làm.

2. Đối với anh Hoàng Quốc H: Từ ngày 31/01/2023 đến ngày 30/4/2023, Q cho anh H vay tiền 03 lần, cụ thể:

- Khoản vay thứ nhất: Ngày 31/01/2023, Q cho anh H vay số tiền 5.000.000 đồng, Khi cho anh H vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng là 600.000 đồng. Q sử dụng số tài khoản 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q chuyển khoản số tiền 4.400.000đồng đến số tài khoản 6386666666669, Ngân hàng MB Bank của anh H. Hàng tháng anh H trả tiền lãi cho Q vào ngày 30 hoặc 31. Khoản vay này, anh H sử dụng số tài khoản 6386666666669, Ngân hàng MB Bank của anh H chuyển khoản cho Q qua tài khoản số 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q và sử dụng tiền mặt để đóng tiền lãi cho Q 05 tháng (từ ngày 31/01/2023 đến ngày 30/6/2023), Q thu được tổng số tiền lãi là 3.000.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 5.000.000 đồng x 20% x 5/12 = 416.667 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 3.0000.000 đồng - 416.667 đồng = 2.583.333 đồng.

Khoảng tháng 6/2023, anh H đã thanh toán cho Q số tiền gốc 5.000.000 đồng này bằng hình thức đưa tiền mặt.

- Khoản vay thứ hai: Ngày 03/4/2023, Q cho anh H vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Khi cho anh H vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng là 1.200.000 đồng. Q sử dụng số tài khoản 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q chuyển khoản số tiền 8.800.000đồng đến số tài khoản 6386666666669, Ngân hàng MB Bank của anh H. Hàng tháng anh H trả tiền lãi cho Q vào ngày 03. Khoản vay này, anh H sử dụng số tài khoản 6386666666669, Ngân hàng MB Bank của anh H chuyển khoản cho Q qua số tài khoản 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q để đóng tiền lãi cho Q 02 tháng (từ ngày 03/4/2023 đến ngày 02/6/2023), Q thu được tổng số tiền lãi là 2.400.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 10.000.000 đồng x 20% x 2/12 = 333.333 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 2.400.000 đồng - 333.333 đồng = 2.066.667 đồng. Số tiền gốc 10.000.000 đồng anh H đã thanh toán cho Q.

Khoảng tháng 6/2023, anh H đã thanh toán cho Q số tiền gốc 10.000.000 đồng này bằng hình thức đưa tiền mặt.

- Khoản vay thứ ba: Ngày 30/4/2023, Q cho anh H vay số tiền gốc là 10.000.000 đồng. Khi cho anh H vay tiền, Q cắt trước số tiền lãi của 01 tháng là 1.200.000đồng, sau đó Q đưa trực tiếp tiền mặt cho anh H số tiền là 8.800.000 đồng. Hàng tháng anh H trả số tiền lãi cho Q vào ngày 30. Khoản vay này, anh H sử dụng số tài khoản số 6386666666669, Ngân hàng MB Bank của anh H chuyển khoản cho Q qua số tài khoản

số 8686567892002, Ngân hàng MB Bank của Q để đóng tiền lãi cho Q 02 tháng (từ ngày 30/4/2023 đến ngày 29/6/2023), Q thu được tổng số tiền lãi là 2.400.000 đồng.

Số tiền lãi 20% được thu theo quy định là: 10.000.000đ x 20% x 2/12 = 333.333 đồng.

Số tiền thu lời bất chính là: 2.400.000 đồng - 333.333 đồng = 2.066.667 đồng.

Khoảng tháng 6/2023, anh H đã thanh toán cho Q số tiền gốc 10.000.000 đồng này bằng hình thức đưa tiền mặt. Sau khi Huy trả hết nợ, Q đã trả căn cước công dân lại cho Huy.

Như vậy, tổng số tiền Q thu lời bất chính từ 03 khoản vay trên là: 2.583.333 đồng + 2.066.667 đồng + 2.066.667 đồng = 6.716.667 đồng (Sáu triệu bảy trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

Tổng số tiền mà Nguyễn Văn Q thu lời bất chính từ việc cho chị Nguyễn Thị Thùy và anh Hoàng Quốc H vay tiền là 33.583.333đ + 6.716.667đ = 40.300.000 đồng (Bốn mươi triệu ba trăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số: 22/CT - VKSYL ngày 02 tháng 4 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố bị cáo Nguyễn Văn Q về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 201, khoản 1, 2 Điều 36, điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Q từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ; miễn khấu trừ thu nhập; hình phạt bổ sung và án phí đối với bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và thuộc hộ nghèo; xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Truy thu số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) của Nguyễn Văn Q (trong đó: Q thu nợ gốc của chị T là 20.000.000 đồng; Q thu nợ gốc của anh H là 25.000.000 đồng); truy thu số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Thuỳ là số tiền gốc mà chị T chưa trả được cho Q để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu của Q số tiền 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền lãi xuất theo quy định pháp luật (lãi xuất 20%/năm) mà Nguyễn Văn Q đã thu của những người vay tiền để sung ngân sách Nhà nước.

Buộc Nguyễn Văn Q phải trả cho Nguyễn Thị Thuỳ số tiền 33.583.333đ (ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trả cho Hoàng Quốc H số tiền 6.716.667đ (sáu triệu bảy trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là tiền mà Q đã thu lời bất chính.

Ý kiến của những người tham gia tố tụng:

Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Q trình bày bản bào chữa khẳng định Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Đề nghị Hội đồng xem xét các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đó là là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh kinh tế quá khó khăn, thuộc hộ nghèo. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thuỳ tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng chị khẳng định toàn bộ nội dung cáo trạng truy tố đối với bị cáo là đúng. Từ ngày 16/10/2022 đến ngày 25/9/2023, Nguyễn Văn Q đã cho chị vay 07 lần tiền, tổng cộng số tiền vay là 45.000.000đồng, lãi suất cho vay là 4.0000đồng/1.00.000đồng/01 ngày. Tổng số tiền lãi chị đã trả cho Q là 33.583.000đồng, tiền gốc chị đã trả cho Q là 20.000.000đồng, số còn lại 25.000.000đồng chị chưa trả cho Q, Q đã trả lại cho chị Căn cước công dân.

Anh Hoàng Quốc H tuy vắng mặt tại phiên toà nhưng quá trình điều trra anh khai: Từ ngày 31/01/2023 đến ngày 30/4/2023, Nguyễn Văn Q đã cho anh vay tiền 03 lần, tổng cộng số tiền vay là 25.000.000đồng, mức lãi suất là 4.0000đồng/1.00.000đồng/01 ngày. Tổng số tiền lãi anh đã trả cho Q là 6.716.667đồng, toàn bộ số tiền gốc anh đã trả cho Q và Q đã trả lại anh Căn cước công dân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc. Bị cáo khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 16/10/2020 đến 30/4/2023, bị cáo có hành vi cho chị Nguyễn Thị Thùy và anh Hoàng Quốc H vay tổng số tiền 70.000.000đồng, lãi suất cho vay là 4.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Bị cáo đã thu lời bất chính của chị T là 33.583.333đồng; của anh H là

6.17.667đồng. Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị cáo thu lợi bất chính từ việc cho vay trên là 40.300.000 đồng.

[3] Xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ như lời khai củabị cáo tại Cơ quan điều tra; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng vụ án thu giữ được cùng các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Văn Q đã phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"; tội danh được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự có khung hình phạt tiền từ 50.000.000đồng đến 200.000.000đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

[4] Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính, Ngân hàng, gây nguy hại cho sự ổn định và phát triển của nền kinh tế, gây thiệt hại đến quyền lợi kinh tế công dân được pháp luật bảo vệ và tạo ra dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý bị cáo trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Xét nhân thân cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt; bị cáo có chỗ ở ổn định và nơi cư trú rõ ràng. Do đó cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Miễn khấu trừ một phần thu nhập cho bị cáo vì bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và thuộc hộ nghèo.

[8]. Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X của Q, Q đã sử dụng vào việc liên lạc chuyển tiền. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội Q đã làm mất nên cơ quan điều tra không T giữ được nên không xem xét.

[8.1] Đối với 01 phong bì thư, tại mục "Người nhận" có ghi nội dung: Huy B, ST, ngày 31/01/2023; 01 giấy xác nhận nợ đề ngày 31/01/2023 thể hiện nội dung "Bên B" là Hoàng Quốc H ở TDP L, TT T, huyện Yên Lạc nợ số tiền 5.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận nợ đề ngày 03/4/2023 thể hiện nội dung "Bên B" là Hoàng Quốc H ở TDP L, TT T, huyện Yên Lạc nợ số tiền 10.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận nợ đề ngày 30/4/2023 thể hiện nội dung "Bên B" là Hoàng Quốc H ở TDP L, TT T, huyện Yên Lạc nợ số tiền 10.000.000 đồng; 01 phong bì thư, tại mục "Người nhận" có ghi nội dung: Chị T (huệ xiêm), 5T, ngày 16/10/2022, AbeTo; 01 giấy xác nhận nợ đề ngày 16/10/2022 thể hiện nội dung "Bên B" là Nguyễn Thị Thùy ở thôn T, xã N, huyện Y nợ số tiền 5.000.000 đồng; 01 phong bì thư, tại mục "Người nhận" có ghi nội dung: Chị Thuỳ, 10T, ngày 30/7/2023; 01 giấy xác nhận nợ đề ngày 30/7/2023 thể hiện nội dung

“Bên B” là Nguyễn Thị Thùy ở thôn T, xã N, huyện Y nợ số tiền 10.000.000 đồng; 01 giấy xác nhận nợ đề ngày 15/8/2023 thể hiện nội dung “Bên B” là Nguyễn Thị Thùy ở thôn T, xã N, huyện Y nợ số tiền 10.000.000 đồng; 01 phong bì thư, tại mục “Người nhận” có ghi nội dung: Chị Thuỳ, 5T, ngày 23/9/2023; 01 giấy xác nhận nợ đề ngày 23/9/2023 thể hiện nội dung “Bên B” là Nguyễn Thị Thùy ở thôn T, xã N, huyện Y nợ số tiền 5.000.000 đồng; 01 phong bì thư, tại mục “Người nhận” có ghi nội dung: Chị Thuỳ, 5T, ngày 25/9/2023; 01 giấy xác nhận nợ đề ngày 25/9/2023 thể hiện nội dung “Bên B” là Nguyễn Thị Thùy ở thôn T, xã N, huyện Y nợ số tiền 5.000.000 đồng. Đây là những giấy tờ thể hiện việc phạm Q cho chị T, anh H vay tiền với lãi suất cao nên được lưu trong hồ sơ vụ án.

[8.2] Truy thu số tiền 45.000.000đ (bốn mươi năm triệu đồng) của Nguyễn Văn Q (trong đó: Q thu nợ gốc của chị T là 20.000.000 đồng; Q thu nợ gốc của anh H là 25.000.000 đồng); truy thu số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) của chị Nguyễn Thị Thuỳ là số tiền gốc mà chị T chưa trả được cho Q để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[8.3] Truy thu của Q số tiền 6.500.000đ (sáu triệu năm trăm nghìn đồng) là tiền lãi xuất theo quy định pháp luật (lãi xuất 20%/năm) mà Nguyễn Văn Q đã thu của những người vay tiền để sung ngân sách Nhà nước.

[8.4] Buộc Nguyễn Văn Q phải trả cho Nguyễn Thị Thuỳ số tiền 33.583.333đ (ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trả cho Hoàng Quốc H số tiền 6.716.667đ (sáu triệu bảy trăm mười sáu nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng) là tiền mà Q đã thu lời bất chính.

[9] Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo vì bị cáo thuộc diện hộ nghèo và không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định.

[10]. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo nên miễn án phí cho bị cáo theo điểm đ điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Uỷ ban thường vụ Quốc hội qui định về lệ phí án phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Q phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36 Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Văn Q 01 (một) năm cải tạo không giam giữ. Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn Q cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Nguyễn Văn Q.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Truy thu của Nguyễn Văn Q 51.500.000đồng; của chị Nguyễn Thị Thuỳ 25.000.000đồng sung quỹ nhà nước.

Buộc Nguyễn Văn Q phải trả cho Nguyễn Thị Thuỳ số tiền 33.583.333đ (ba mươi ba triệu năm trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng), trả cho Hoàng Quốc H số tiền 6.716.667đồng (Sáu triệu bảy trăm mười sáu nghìn đồng).

Về án phí: Miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt cũng có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- CQĐT - CA huyện Yên Lạc;
- CQCSTHAHS - CA huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Lưu HS,VP.

Trần Thị Lan

.